Bộ Xây dựng
14-06-2024
10:53:51 +07:00

| | |
|---|---|
| **BỘ XÂY DỰNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 3552/BXD-QLN<br>V/v: triển khai thực hiện CTMTQG GNBV giai đoạn 2021-2025, dự án 5. | *Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2024* |

Kính gửi: UBND tỉnh .....

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi là CTMTQG GNBV dự án 5) và Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30/6/2022 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo của CTMTQG GNBV dự án 5, Bộ Xây dựng đề nghị Quý Ủy ban khẩn trương thực hiện một số nội dung như sau:

1. Tập trung triển khai công tác hỗ trợ, đẩy mạnh giải ngân vốn NSTW đã cấp cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo tham gia CTMTQG GNBV dự án 5 theo quy định nhằm đảm bảo hoàn thành theo đúng mục tiêu đề ra của năm 2024.

Đối với các tỉnh: Hà Giang, Tuyên Quang, Yên Bái, Bắc Giang, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Ninh Thuận, Gia Lai, Kon Tum (chưa phát sinh kết quả thực hiện CTMTQG GNBV dự án 5 của Quý I năm 2024) và tỉnh Đắc Nông (đạt tỷ lệ giải ngân vốn NSTW đã cấp rất thấp) cần tích cực, quyết liệt hơn công tác hỗ trợ, giải ngân vốn NSTW đã cấp cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo. Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về kết quả triên khai thực hiện CTMTQG GNBV dự án 5.

2. Báo cáo kết quả thực hiện, kết quả giải ngân vốn NSTW đã cấp thực hiện CTMTQG GNBV dự án 5 của Quý II năm 2024 *(theo mẫu Phụ lục V Thông tư số 01/2022/TT-BXD đính kèm)* gửi Bộ Xây dựng trước ngày 10/7/2024 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Đề nghị Quý Ủy ban quan tâm, chỉ đạo thực hiện./.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Thanh Nghị (để b/c);
- Lưu: VT, QLN (2b);

**KT. BỘ TRƯỞNG**
**THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Sinh**

## DANH SÁCH 26 TỈNH

1. Hà Giang
2. Tuyên Quang
3. Cao Bằng
4. Lạng Sơn
5. Lào Cai
6. Yên Bái
7. Bắc Kạn
8. Bắc Giang
9. Hòa Bình
10. Sơn La
11. Lai Châu
12. Điện Biên
13. Thanh Hóa
14. Nghệ An
15. Quảng Trị
16. Thừa Thiên Huế
17. Quảng Nam
18. Quảng Ngãi
19. Bình Định
20. Khánh Hòa
21. Ninh Thuận
22. Đăk Lăk
23. Đăk Nông
24. Gia Lai
25. Kon Tum
26. An Giang

## PHỤ LỤC V

*(Kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025)*

**UBND TỈNH.....**

**BÁO CÁO HÀNG QUÝ**

Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

Quý.....năm.....

**I. Về số liệu thực hiện**

| TT | Nội dung | Đơn vị | Kế hoạch hỗ trợ tại địa phương | Kết quả thực hiện trong Quý | | | Lũy kế thực hiện từ đầu Chương trình | | | Kế hoạch Quý tiếp theo | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tổng số | Hộ nghèo | Hộ cận nghèo | Tổng số | Hộ nghèo | Hộ cận nghèo | Tổng số | Hộ nghèo | Hộ cận nghèo | |
| 1 | Hộ xây mới nhà ở | hộ | | | | | | | | | | | |
| | Trong đó: | | | | | | | | | | | | |
| | - Hộ nghèo dân tộc thiểu số | hộ | | | | | | | | | | | |
| | - Hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng | hộ | | | | | | | | | | | |
| | - Hộ nghèo, hộ cận nghèo có | hộ | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | thành viên thuộc đối tượng bảo trợ xã hội | | | | | | | | | | | | |
| | - Hộ nghèo, hộ cận nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật) | hộ | | | | | | | | | | | |
| | - Hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai | hộ | | | | | | | | | | | |
| | - Hộ nghèo, hộ cận nghèo còn lại | hộ | | | | | | | | | | | |
| 2 | Hộ sửa chữa nhà ở | hộ | | | | | | | | | | | |
| | Trong đó: | | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Hộ nghèo dân tộc thiểu số | hộ | | | | | | | | | | | |
| | - Hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng | hộ | | | | | | | | | | | |
| | - Hộ nghèo, hộ cận nghèo có thành viên thuộc đối tượng bảo trợ xã hội | hộ | | | | | | | | | | | |
| | - Hộ nghèo, hộ cận nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật) | hộ | | | | | | | | | | | |
| | - Hộ nghèo, | hộ | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | hộ cận nghèo thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai | | | | | | | | | | | | |
| | - Hộ nghèo, hộ cận nghèo còn lại | hộ | | | | | | | | | | | |
| 3 | Tổng số vốn huy động | triệu đồng | | | | | | | | | | | |
| | Trong đó: | | | | | | | | | | | | |
| | - Ngân sách Trung ương | triệu đồng | | | | | | | | | | | |
| | - Ngân sách địa phương | triệu đồng | | | | | | | | | | | |
| | - Vốn huy động hợp pháp khác | triệu đồng | | | | | | | | | | | |
| 4 | Kết quả giải ngân vốn hỗ trợ | triệu đồng | | | | | | | | | | | |
| | Trong đó: | | | | | | | | | | | | |
| | - Ngân | triệu | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | sách Trung ương | đồng | | | | | | | | | | | |
| | - Ngân sách địa phương | triệu đồng | | | | | | | | | | | |
| | - Vốn huy động hợp pháp khác | triệu đồng | | | | | | | | | | | |

**II. Về khó khăn, vướng mắc**

**III. Kiến nghị (nếu có)**

| | |
|---|---|
| **NGƯỜI LẬP**<br>*(Họ tên, số điện thoại, email)* | **TM. UBND TỈNH**<br>**CHỦ TỊCH**<br>*(Ký tên, đóng dấu)* |